

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DSST

Ngày: 27-10-2020

*V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự về mua bán*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga;**

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuận.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Màu**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2020/TLST-DS, ngày 19 tháng 6 năm 2020; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-DS, ngày 08-10-2020, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại thực phẩm TKN; Địa chỉ: 214 đường số 7, KDC Trung Sơn, tổ A, ấp 1, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị K; Chức vụ: Giám đốc (có mặt).

Bị đơn: 1. Ông Dư Văn S, sinh năm 1974 (Có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1975;

3. Anh Dư Thái B, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ C và anh Dư Thái B: Ông Dư Văn S, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/9/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 9/2018 đến tháng 5/2019 Công ty có bán phẩm cá lóc (thức ăn nuôi cá) cho gia đình ông Dư Văn S ở ấp P, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh tổng số tiền vốn gốc trên 4 tỷ đồng. Hình thức mua bán là bên công ty bà tính theo hóa đơn bán hàng do nguồn hàng phân bổ cho ông S phía công ty của bà cũng nhập từ công ty khác, nếu công ty khác để cho công ty bà giá 46 thì bà để lại cho ông S giá 46, bà chỉ hưởng % tiền huê hồng từ công ty chứ không có hưởng lợi nhuận tiền hàng từ phía ông S.

Hình thức đặt hàng là ông S điện thoại trực tiếp cho công ty bà để nhập hàng rồi công ty bà liên hệ bên công ty khác để giao hàng trực tiếp cho ông S giao hàng đều có ghi vào sổ để theo dõi, ông S là người trực tiếp giao dịch với công ty bà, còn bà giao dịch với công ty khác để chở hàng giữa công ty này và ông S không giao dịch làm ăn. Lúc mua bán thì công ty bà với ông S không có lập hợp đồng mua bán, hai bên giao dịch ban đầu thông qua bằng đường điện thoại, đến ngày 01/01/2019 công ty bà với gia đình ông S gồm: ông Dư Văn S, bà Nguyễn Thị Mỹ C (là vợ) và con là anh Dư Thái B có ký tên vào hợp đồng mua bán.

Trong thời gian mua bán đến ngày 16/9/2019 Công ty và gia đình ông S chốt nợ lại theo bảng quyết toán công nợ năm 2018-2019 thì bên gia đình ông S còn nợ công ty tổng cộng bằng 898.209.000 đồng, ông S và bà C có ký tên vào bảng quyết toán công nợ. Sau khi quyết toán công nợ xong thì công ty không còn lưu giữ các chứng từ giao nhận hàng với ông S trước đây, hiện nay công ty chỉ còn lưu giữ bảng quyết toán công nợ để yêu cầu ông S thanh toán tiền hàng.

Đến ngày 06/01/2020 gia đình ông S có trả trước cho Công ty bằng 200.000.000 đồng, còn nợ lại bằng 698.209.000 đồng, nhưng đến nay gia đình ông S không thanh toán tiếp, việc trả tiền không có lập hợp đồng hay làm lại bảng công nợ khác.

Nay đại diện cho Công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại thực phẩm TKN yêu cầu ông Dư Văn S, bà Nguyễn Thị Mỹ C và anh Dư Thái B có trách nhiệm trả cho công ty tiền mua thức ăn còn nợ bằng 698.209.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 16/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 8,5%/năm bằng 65.329.084 tiền lãi.

Ông S cho rằng trong thời gian công ty đồ phẩm cho ông S không đạt chất lượng ông có thông báo cho công ty biết, cũng như ông S trình bày bà đại diện công ty yêu cầu ông mở rộng thêm ao nuôi cá để công ty đầu tư phẩm cho ông S là không có.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Dư Văn S trình bày:

Trong thời gian ông nuôi cá thì bà Trần Thị K là đại diện cho Công ty có về quê chơi và thấy ông nuôi cá lóc nên bà K có nói công ty bên bà sẽ đầu tư phẩm cá lóc bà kêu ông ngưng lấy của người khác để lấy bên công ty của bà, công ty bà để giá gốc cho ông. Ông nghe vậy nên mới lấy thức ăn bên của công ty bà K, hai bên có thỏa thuận việc đầu tư và giá cả là bên công ty đồng ý bao

tiêu thức ăn cho đến khi ông thu hoạch cá rồi thanh toán tiền hàng lại cho công ty sau. Bà K còn kêu ông đào thêm ao để bà đầu tư luôn, nên ông mới đầu tư ra ngoài thêm được 08 ao (thuê ao của người khác), của nhà là 05 ao, ông hùn với người khác thêm 03 ao. Tổng cộng là 16 ao, nuôi được 03 tháng ông thấy thức ăn này cá ăn chậm phát triển nên ông có nói với bà K để bà K điều chỉnh lượng thức ăn lại nhưng không được giải quyết, đến tháng thứ 04 hoặc thứ 05 bà K cho hay là công ty chỉ bao công nợ cho ông chỉ có 500.000.000 đồng, nên số tiền thức ăn ông nợ công ty phải thanh toán ngay cho công ty, nên ông không có khả năng thanh toán và bên công ty ngưng giao thức ăn tiếp còn ngày, tháng, năm ngưng thì ông không nhớ.

Giữa ông với công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại thực phẩm TKN bắt đầu làm ăn chung là năm 2018 còn ngày, tháng thì ông không nhớ, nhưng đến khoảng 03 đến 04 tháng sau gia đình ông gồm ông, vợ ông là bà Nguyễn Thị Mỹ C và con tên Dư Thái B mới ký kết hợp đồng mua bán với công ty, trong thời gian này ông nợ tiền thức ăn bên công ty gần 5 tỷ đồng và cũng có thanh toán nợ dần cho công ty nên đến ngày 16/9/2019 giữa ông và công ty có chốt nợ lại ông còn nợ công ty tiền vốn bằng 898.209.000 đồng, đến ngày 06/01/2020 ông có thanh toán được tiền vốn bằng 200.000.000 đồng và từ đó đến nay không thanh toán tiếp.

Ông lấy thức ăn của công ty về nuôi cá và cũng có bán lại cho các hộ khác ở gần để kiếm thêm chứ gia đình ông không có kinh doanh và cũng không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, do thức ăn công ty kém hiệu quả nuôi cá không lớn, các hộ dân ông bán thức ăn không thanh toán nợ cho ông, nên ông không có tiền trả tiếp cho công ty.

Nay ông đồng ý trả cho công ty tiền vốn mua thức ăn còn nợ công ty bằng 698.209.000 đồng, tiền ông nợ là tiền mua bán chứ ông không có vay mượn gì của công ty nên không đồng ý trả lãi như công ty yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp: giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (photo); hợp đồng thỏa thuận mua bán thức ăn cá lóc (bản chính); 01 cam kết ngày 16/8 (không có năm) viết bằng giấy tập học sinh (bà C ký tên); 01 cam kết không ngày, tháng, năm được viết bằng giấy tập học sinh; 01 bản quyết toán công nợ 2018-2019 (bản chính); Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Ông Dư Văn S thừa nhận còn nợ tiền mua thức ăn (phẩm cá lóc) của công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại thực phẩm TKN bằng 698.209.000 đồng.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại thực phẩm TKN yêu cầu tính lãi từ ngày 16/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 8,5%/năm.

Ông Dư Văn S không đồng ý trả tiền lãi trên tổng số tiền nợ gốc cho công ty như công ty yêu cầu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã

chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại thực phẩm TKN.

Buộc ông Dur Văn S, bà Nguyễn Thị Mỹ C và anh Dur Thái B có trách nhiệm hoàn trả cho công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại thực phẩm TKN tiền vốn mua thức ăn còn nợ bằng 698.209.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 8,5%/ năm.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Bà Nguyễn Thị Mỹ C và anh Dur Thái B trong quá trình tham gia tố tụng đã uỷ quyền cho ông Dur Văn S làm đại diện. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dur Văn S có lời khai thừa nhận còn nợ tiền vốn mua thức ăn của công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại thực phẩm TKN bằng 698.209.000 đồng. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết công ty không phải chứng minh.

[3] Xét yêu cầu tính lãi và mức lãi suất: Công ty yêu cầu tính lãi từ ngày 16/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/10/2020 với mức lãi suất 8,5%/năm (tức 0,7% tháng) là 13 tháng 11 ngày bằng 65.329.084 đồng. Bị đơn ông Dur Văn S không đồng ý trả tiền lãi như công ty yêu cầu.

Xét thấy, việc giao dịch mua bán thức ăn giữa công ty với ông S, bà C và anh B có lập hợp đồng bằng văn bản và có biên bản quyết toán công nợ năm 2018-2019 có chữ ký của bị đơn ông S và bà C. Căn cứ theo bản quyết toán công nợ các bên không có thỏa thuận thời gian trả nợ gốc và nợ lãi. Qua ý kiến trình bày của đại diện công ty trong thời gian mua bán cho đến ngày chốt công nợ là ngày 16/9/2019 lúc này bà K đại diện công ty cũng có thỏa thuận với ông S nếu số vốn ông S thanh toán cho công ty đến cuối năm 2019 thì công ty sẽ không yêu cầu tính lãi, việc thỏa thuận này các bên không có lập thành văn bản, từ ngày chốt công nợ cho đến ngày 06/01/2020 ông S có thanh toán cho công ty

bằng 200.000.000 đồng, nên thời gian ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ được tính từ ngày 06/01/2020 chứ không phải là ngày 16/9/2019 như công ty yêu cầu.

Xét về mức tính lãi suất: Trong hợp đồng mua bán giữa công ty và ông S không có thỏa thuận lãi suất khi chậm thực hiện nghĩa vụ, nhưng trong hợp đồng tại Điều 7 có thỏa thuận phạt vi phạm hợp đồng là 0,5% tổng giá trị hợp đồng cho một ngày vi phạm, nhưng bên mua ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì ông S phải chịu lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn trên tổng số tiền vốn chưa thanh toán cho công ty. Tuy nhiên, phía công ty khởi kiện và yêu cầu bên mua là ông S, bà C và anh B trả lãi suất với mức 8,5%/năm (tức 0,7% tháng) là phù hợp với quy định của pháp luật, tiền lãi được tính như sau: 698.209.000 đồng x 09 tháng 21 ngày bằng 47.408.382 đồng.

[4] Đối với số tiền lãi đại diện công ty yêu cầu tính từ ngày 16/9/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm bằng 65.329.084 đồng là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của công ty.

Từ những nhận định nêu trên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty là có căn cứ.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn ông Dur Văn S, bà Nguyễn Thị Mỹ C và anh Dur Thái B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại thực phẩm TKN phải chịu án phí do yêu cầu tính lãi không được chấp nhận.

[6] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26 khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 92, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại thực phẩm TKN.

2. Buộc ông Dur Văn S, bà Nguyễn Thị Mỹ C và anh Dur Thái B có trách nhiệm hoàn trả cho công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại thực phẩm TKN tiền mua thức ăn còn nợ 745.617.382 đồng (trong đó vốn vay bằng 698.209.000 đồng, tiền lãi bằng 47.408.382 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc ông Dư Văn S, bà Nguyễn Thị Mỹ C và anh Dư Thái B phải chịu 33.824.695 đồng.

Công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại thực phẩm TKN phải chịu 896.035 đồng án phí (65.329.084 đồng - 47.408.382 đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 16.458.744 theo biên lai thu tiền số 0009923, ngày 19-6-2020 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 300.000 theo biên lai thu tiền số 0002884, ngày 18-9-2020 của chi cục thi hành dân sự huyện Tiểu Cần. Công ty được nhận lại số tiền 15.862.709 đồng theo biên lai thu tiền trên.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm

